TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BỈM SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 01 /2023/DSST-HNGĐ
Ngày: 03 / 01 /2023
V/v " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Tạ Thị Hương.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Vũ Văn Thoa; Ông Nguyễn Quốc Sáu

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền- Kiểm sát viên.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Hoàng Văn Trung - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Bỉm sơn.

Ngày 03 tháng 01 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Bỉm sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số *86/2022* /TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp " *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32 /QĐXX-HNGĐ ngày 15 / 12 /2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Lê Thị H sinh năm 1989
Nơi ĐKNKTT : Khu phố X, phường L, thị xã B , tỉnh T
Nơi cư trú hiện nay: Số nhà 121 đường Q, phường T , Tx T, tỉnh N (có mặt)

2.Bị đơn: Anh Lê Quốc Đ sinh năm 1989
Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Khu phố X, phường L , thị xã B , tỉnh T (có mặt)

3.Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
-Bà Lê Thị P sinh năm 1962
Trú tại: Số 331 đường N , phường Q, Tp T (có mặt)
- Bà Lê Thị L sinh năm 1963 (vợ)
-Ông Lê Huy T sinh năm 1960 (chồng)
Đều trú tại: Lô 30 mặt bằng 1970 đường N , phường Đ, Tp TH, tỉnh T
(ông T ủy quyền cho anh Lê Quốc Đ theo giấy ủy quyền ngày 03/11/2022 có xác nhận của UBND phường Đ, Tp T, tỉnh T)
(Ông Thành, bà Loan có mặt)

4.Người làm chứng:
1.Chị Nguyễn Thị Thu N sinh năm 1988
Trú tại: Khu phố 2, phường B , thị xã B, tỉnh T (có mặt)

2.Ông Bùi Đình L sinh năm 1957

Trú tại: Khu phố 9, phường B, thị xã B, tỉnh T (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/6/2022, văn bản trình bày ý kiến ngày 15/8/2022, bản tự khai bổ sung các ngày 26/8/2022; 11/11/2022 ; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Chị H và anh Đ kết hôn với nhau vào năm 2011, đăng ký tại UBND phường L , thị xã B tỉnh T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã xô sát nhau, vì vậy cuộc sống không thể hàn gắn. Chị H đã làm đơn ly hôn một lần sau đó rút đơn nhưng vẫn không thể chung sống được với nhau nên lại tiếp tục làm đơn ly hôn. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Quốc Đ.

Về phần con cái: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Ngọc H (nữ) sinh ngày 03/6/2012 và cháu Lê Huy P (nam) sinh ngày 18/5/2014, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị nuôi cháu gái Lê Ngọc H, để cháu Lê Huy P cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản: Ban đầu chị trình bày tài sản chung của vợ chồng gồm: 01 thửa đất diện tích 200m^2 trên đất có 01 nhà 1 tầng tại số 19, tổ 6, khu phố 9, phường Ba Đình, thị xã B nguồn gốc là vợ chồng chị mua của chị Nguyễn Thị Thu N trị giá khoảng 200 triệu, 01 xe máy Jupiter BKS 30K6-1741; 01 xe máu Lead BKS 90B1-25985 ; 01 ô tô nhãn hiệu KIA BKS 36A- 00275 đứng tên Lê Quốc Đ trị giá 200 triệu; 01 tài khoản chứng khoán đứng tên Lê Quốc Đ trị giá 40.000.000đ. Trong quá trình Tòa án giải quyết chị đã rút yêu cầu đối với các tài sản xe máy, xe ô tô, chứng khoán chị chỉ đề nghị Tòa án giải quyết đối với căn nhà tại khu phố 9, phường B, thị xã B, quá trình vợ chồng mua căn nhà này là do anh Đ chồng chị giao dịch, thời điểm mua là 260 triệu, anh Đ đã rút ở tài khoản của chị số tiền 70.000.000đ và lấy 80 triệu trong két sắt của vợ chồng, số tiền còn lại anh Đ vay ở đâu chị không biết. Sau khi vợ chồng mua nhà vợ chồng đến ở có lợp mái tôn bắn tôn bag sửa bếp tổng số tiền sửa chữa là 50.000.000đ, tiền của chị bỏ ra là 20.000.000đ. Chị đề nghị Tòa án chia đôi, chị yêu cầu lấy nhà để ở và đưa lại tiền chênh lệch cho anh Đ.

Ngoài ra chị trình bày vợ chồng chị hiện nay có nợ của bà Lê Thị P mẹ đẻ chị số tiền 158.000.000đ vay năm 2020, chị đề nghị vợ chồng chị mỗi người phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị P số tiền 79.000.000đ.

Tại bản tự khai ngày 16 /9 /2022 và quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Quốc Đ trình bày: Anh và chị H kết hôn năm 2011, đăng ký tại UBND phường L, thị xã B, tỉnh T, hai người đến với nhau trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H có

tính lăng nhăng, bỏ bê con cái, đã nhiều lần chị H bỏ đi mấy ngày không về dẫn đến vợ chồng bất hòa. Vợ chồng ly thân từ tháng 5/2022 vợ sống ở đâu anh không rõ nhưng anh vẫn ở chăm sóc các con tại B . Anh vẫn còn tình cảm với chị H nhưng nếu chị H cương quyết xin ly hôn anh thì anh cũng nhất trí.

Về con cái : Vợ chồng có hai con chung như chị H trình bày . Nguyện vọng của anh nếu vợ chồng phải ly hôn anh xin nuôi cả hai cháu, không đề nghị chị H phải đóng góp nuôi con chung . Hiện nay anh làm giám sát trông thi bằng lái xe của học viện cảnh sát nhân dân và trưởng phòng giám sát hành trình của công ty vận tải số 4 thu nhập trung bình là 10 đến 15 triệu đồng/ tháng.

Về tài sản: Theo anh Đ khai vợ chồng chỉ có những tài sản là vật dụng trong nhà như ti vi, tủ lạnh, máy điều hòa, các tài sản khác như ô tô đứng tên bà Lê Thị L mua năm 2020; xe máy Jupiter mua trước hôn nhân, xe máy Lead là của chị Lê Thị M. Về căn nhà tại khu phố 9, phường Ba đình anh Đ khai là của mẹ anh bà Lê Thị L mua vào năm 2020, không có giấy chứng nhận chỉ có hợp đồng mua bán viết tay giữa mẹ anh bà Lê Thị L và chị Nguyễn Thị Thu N. Anh chỉ là người dẫn mẹ anh đi gặp chị N còn tiền mua là của bà L . Việc chị H khai anh bắn tiền từ tài khoản của chị H sang tài khoản của anh số tiền 70 triệu H chuyển cho anh để anh trả nợ việc vợ chồng đi du lịch còn nợ tiền của anh họ, anh không nhất trí việc chị H đề nghị chia căn nhà vì đó không phải tài sản chung của vợ chồng. Anh không thừa nhận việc chị H khai anh lấy 80 triệu trong két sắt để mua nhà. Về số nợ của bà Lê Thị P (mẹ chị H) anh Đ thừa nhận vợ chồng có vay bà P số tiền 158 triệu, anh xin được trả cho bà P ½ số tiền bằng 79.000.000đ.

Tại bản tự khai ngày 19/9/2022 và quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lê Thị L trình bày về căn nhà tại khu phố 9, phường B là bà mua của chị Nguyễn Thị Thu N làm công nhân ở nhà máy xi măng Bỉm Sơn, đất chưa được cấp sổ đỏ nên chỉ có giấy viết tay với nhau, thời gian mua là 30/7/2021. Mục đích bà mua căn nhà này để cho anh Đ và chị H ở riêng. Sau khi mua bà tiến hành sửa chữa căn nhà hết khoảng 100 triệu. Quá trình Tòa án giải quyết bà cung cấp cho Tòa án 01 hợp đồng mua bán nhà giữa bên bán là chị Nguyễn Thị Thu N và bên mua là bà Lê Thị L, có xác nhận của ông khu phố trưởng, hai bên mua bán không có giấy biên nhận tiền. Sau khi mua nhà, bà có thuê ông H và ông P sửa chữa nhà cho bà và bà thanh toán hết 100 triệu, trong đó anh Đ và chị H có chi phí đóng trần bếp hết 20 triệu.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 15/8/2022 bà Lê Thị P trình bày :

Tôi (P) có cho con gái tôi là Lê Thị H và anh Lê Quốc Đ là con rể vay số tiền 158.000.000đ (Một trăm năm mươi tám triệu đồng) số tiền này tính chốt đến ngày 13/9/2020 nay vợ chồng H Đ ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị H và anh Đ mỗi người phải có trách nhiệm trả cho bà ½ số tiền trên.

Tại bản tự khai ngày 24 tháng 10 năm 2022, quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Thu N trình bày: Chị có bán căn nhà tại khu phố 9, phường B ,

TX B cho anh Đ, quá trình mua bán chị chỉ gặp và làm việc với anh Đ còn không giao dịch với chị H và bà L, do đất không được cấp giấy chứng nhận nên chỉ có giấy viết tay với nhau, chị có viết giấy nhận tiền của anh Đ nhưng vì lâu ngày chị làm thất lạc. Tại Tòa chị thừa nhận có ký và viết tên vào hợp đồng mua bán với bà L nhưng chị khẳng định khi đó chưa có chữ ký của bà L để anh Đ đi làm thủ tục.

Tại bản tự khai ngày 02/11/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Bùi Đình L là khu phố trưởng trình bày: Ông không chứng kiến việc mua bán chuyển nhượng căn nhà giữa gia đình bà L và chị N , ông ký vào hợp đồng chuyển nhượng là do bà L đưa cho ông để ông xác nhận việc đã chuyển nhượng từ chị N sang cho bà L để có căn cứ thu thuế nhà đất.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh Đ , xin được nuôi cháu Lê Ngọc H và không đề nghị giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Chị đề nghị giải quyết chia căn nhà vợ chồng mua của chị Nguyễn Thị Thu N tại khu phố 9, phường B , thị xã B , tỉnh T . Anh Lê Quốc Đ nhất trí ly hôn với chị H và xin được nuôi hai con chung là các cháu Lê Ngọc H , cháu Lê Huy P đến tuổi thành niên. Về tài sản: anh không nhất trí chia căn nhà tại khu phố 9, phường B vì là nhà của mẹ anh mua. Về số nợ của bà P anh nhất trí trả ½ số nợ cho bà P là 79.000.000đ.

Bà Loan giữ nguyên quan điểm về căn nhà tại khu phố 9, phường Ba đình, Tx B vì không phải là tài sản của chị H và anh Đ mà căn nhà này do bà mua của chị Nguyễn Thị Thu N.

Tại phiên tòa người làm chứng chị Nguyễn Thị Thu N trình bày chị chỉ giao dịch mua bán với anh Đ chứ không phải giao dịch mua bán với bà L, quá trình mua bán anh Đ trả tiền cho chị có giấy nhận tiền nhưng do lâu ngày chị làm thất lạc giấy nhận tiền. Khi Tòa án cho chị xem hợp đồng mua bán của bà L xuất trình chị thừa nhận là chữ ký của chị nhưng chị xác định là ký cho anh Đ đi hoàn thiện thủ tục.

Tại phiên tòa ông Bùi Đình L là khu phố trưởng khu phố 9 phường B trình bày ông không làm chứng việc mua bán và giao nhận tiền giữa chị N và bà L, chỉ khi bà L đưa hợp đồng cho ông thì ông ký để lưu vào hồ sơ nộp thuế.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã B phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Về đường lối giải quyết: Về hôn nhân đề nghị hội đồng xét xử tuyên xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Lê Quốc Đ.

Về phần con cái: Đề nghị giao cháu Lê Ngọc H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và giao cháu Lê Huy P cho anh Lê Quốc Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản : Đề nghị đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là xe máy, 01 ô tô và tài khoản chứng khoán mang tên anh Lê Quốc Đ.

Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn xác định căn nhà và diện tích đất tại số 19 tổ 6 , khu phố 9 phường B , thị xã B , tỉnh T là tài sản của bà Lê Thị L.

Chị được tính công sức đóng góp là một nửa của số tiền vợ chồng bỏ ra để mua, sửa nhà là: 93.766.287đồng. bà Loan có trách nhiệm thanh toán cho chị H số tiền đóng góp tương ứng với giá trị tài sản tranh chấp theo kết quả định giá tài sản ngày 11/11/2022

Buộc chị H và anh Đ mỗi người phải thanh toán cho bà Lê Thị P số tiền 79.000.000đ

Về án phí: Chị H là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm,các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản mà mình được hưởng hoặc phải chịu theo quy định của pháp luật. Đề nghị trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về tố tụng: Việc chị Lê Thị H có đơn về việc: " *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn*" đối với anh Lê Quốc Đ , được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Anh Lê Quốc Đ có địa chỉ tại phường L, thị xã B, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 39 bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án : Về phần hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Lê Quốc Đ kết hôn với nhau trên cở sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường L , thị xã B , tỉnh T vào năm 2011. Vì vậy, đây là hôn nhân được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Đ nghi ngờ chị H có mối quan hệ ngoài luồng nên dẫn đến vợ chồng bất hòa, trước đây chị H đã làm đơn ly hôn anh Đ nhưng sau đó lại rút đơn. Tuy nhiên, vợ chồng không thể chung sống được với nhau nên chị H lại làm đơn ly hôn. Quá trình giải quyết chị H cương quyết xin ly hôn, anh Đ cũng nhất trí ly hôn với chị H. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nên cần phải chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H để xử cho chị H được ly hôn anh Lê Quốc Đ là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[3]**Về phần con cái**: Vợ chồng có hai con chung, cháu đầu là Lê Ngọc H

(nữ) sinh ngày 03/ 6 /2012 và cháu thứ hai là Lê Huy P (nam) sinh ngày 18/5/2014 . Xét thấy, hiện nay cháu Lê Ngọc H là con gái nên cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn nên giao cháu Lê Ngọc H cho chị Lê Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và giao cháu Lê Huy P cho anh Lê Quốc Đ được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp. Các đương sự không đề nghị giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

[4]**Về tài sản**: Quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị H đề nghị chia căn nhà tại khu phố 9, phường B , thị xã B cho vợ chồng theo quy định. Theo chị H khai về căn nhà quá trình mua căn nhà toàn bộ do anh Đ đi giao dịch với chị Nguyễn Thị Thu N. Nguồn tiền mua nhà theo chị H khai anh Đ có chuyển từ tài khoản của chị sang tài khoản của anh Đ, theo chị cung cấp số tiền chị sao kê từ ngân hàng thì ngày 28/7/2020 từ tài khoản của chị Lê Thị H chuyển sang tài khoản của anh Lê Quốc Đ số tiền 73.766.287 đồng và đồng thời anh Đ lấy số tiền trong két sắt của vợ chồng là 80 triệu, số tiền còn lại anh Đ vay ở đâu chị không biết, sau khi mua nhà vợ chồng chị có bỏ tiền ra đóng trần bếp hết 20 triệu, còn bà L mẹ anh Đ bỏ ra bao nhiêu tiền để sửa nhà chị không nắm được. Anh Đ không nhất trí việc chị H khai anh lấy tiền trong két 80 triệu để mua nhà , việc có sự chuyển tiền từ tài khoản chị H sang tài khoản của anh số tiền 73.766.287 đồng là chị H chuyển để anh trả nợ vợ chồng đi du lịch. Tòa án đã yêu cầu anh cung cấp chứng cứ việc trả nợ nhưng anh không cung cấp được. Về phía bà L (mẹ anh Đ) khai là bà mua căn nhà đó của chị N và xuất trình hợp đồng bên mua là bà Lê Thị L bên bán là chị Nguyễn Thị Thu N, quá trình giải quyết bà L khai việc mua bán có ông L là khu phố trưởng làm chứng. Tại Tòa bà L khai do bà không nhớ bà xác định lại là sau khi ký với chị N bà mới đưa cho ông L ký xác nhận. Theo đề nghị của chị H, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của chị N về việc bán căn nhà chị N thừa nhận việc chị ký vào hợp đồng mua bán nhà với bà L đúng là chữ ký của chị nhưng không nhớ cụ thể, chị khẳng định là chị chỉ giao dịch với một mình anh Đ chứ không giao dịch với bà L. Qua lời khai của ông L khu phố trưởng thì ông không chứng kiến việc mua bán nhận tiền của gia đình bà L và chị N, chỉ sau khi bà L xuất trình cho ông hợp đồng thì ông mới xác nhận vào hợp đồng mục đích để lưu vào bộ thuế, chuyển đổi từ chị Nguyễn Thị Thu N sang bà Lê Thị L để ông đi thu thuế các hộ. Quá trình điều tra xác minh thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của một số thợ xây sửa căn nhà cụ thể là các ông Lê Văn H , ông Trần Văn P , ông Vũ Ngọc B là những người trực tiếp sửa căn nhà thì được cung cấp bà L là người trực tiếp gọi nhóm thợ của ông H làm chủ đến sửa nhà, cơi nới nhà cũ cao lên, san mặt bằng lát nền ở sân và cổng. Sau khi hoàn thành công việc anh Đạt là người trực tiếp thanh toán tiền cho các thợ. Trong quá trình sửa sang căn nhà thì thi thoảng có chị H anh Đ đến nấu nước cho thợ và dọn dẹp.

Căn cứ vào hợp đồng mua bán hội đồng xét xử có thể khẳng định bà L là người mua căn nhà và anh Đ chị H cũng có công đóng góp để mua nhà cụ thể là việc chị H xuất trình sao kê chuyển tiền từ tài khoản chị H sang cho anh Đ số tiền 73.766.287 đồng vào ngày 28/7/2020 tại Ngân hàng công thương chi nhánh B phù hợp với thời điểm anh Đ mua nhà. Anh Đ không chứng minh được việc chuyển tiền để trả nợ như anh Đ trình bày về khoản nợ cần phải trả của vợ chồng tại thời điểm này. Việc chị H khai anh Đ lấy tiền trong két 80.000.000đồng của vợ chồng để mua nhà, anh Đ không thừa nhận nên không có cơ sở chứng minh. Quá trình giải quyết những người thợ sửa nhà khai anh Đ là người trực tiếp thanh toán tiền sửa nhà và bà L thừa nhận vợ chồng chị H và anh Đ có đóng trần bếp hết 20 triệu và số tiền 73.766.287 đồng vào ngày 28/7/2020 theo sao kê mà Ngân hàng cung cấp hội đồng xét xử có cơ sở xác định phần đóng góp của chị H là ½ số tiền tương đương là: 46.883.143 đồng so với giá trị khi mua nhà là: 260.000.000đồng bằng: 18% giá trị căn nhà. Theo kết quả định giá tài sản ngày 15/11/2022 của hội đồng định giá tài sản diện tích đất 312 m^2 đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cả giá trị nhà và đất là 400.000.000đồng nên chị H được hưởng 18% trong tổng số tiền 400 triệu bằng: 72.000.000đồng , số tiền này buộc bà Lê Thị L, ông Lê Huy T phải thanh toán cho chị H là phù hợp. Đối với anh Đ không đề nghị giải quyết nên không xét.

Về số nợ của bà Lê Thị P : Căn cứ vào chứng cứ mà bà P xuất trình thì vợ chồng chị H và anh Đ có vay của bà P số tiền 158 triệu, quá trình giải quyết các đương sự thống nhất chị H và anh Đ mỗi người phải chịu ½ số tiền này, cụ thể mỗi người phải trả cho bà P là 79.000.000đ nên hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này buộc chị Lê Thị H và anh Lê Quốc Đ mỗi người phải trả cho bà Lê Thị P số tiền 79.000.000đ.

[5] **Về án phí**: Căn cứ khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH ; điểm b mục 1.3 phần án phí Dân sự buộc các đương sự phải nộp án phí theo quy định. Đối với chị Lê Thị H phải nộp án phí Ly hôn sơ thẩm là 300.000đ đồng thời phải chịu án phí đối với yêu cầu chị được hưởng ½ giá trị căn nhà là 200.000.000đ được chấp nhận 72.000.000đ, nên chị phải chịu án phí trên số tiền còn lại là: 128.000.000đ và phải trả nợ cho bà Lê Thị P là 79.000.000đ. Tổng số tiền án phí chị H phải chịu trên số tiền 207.000.000 đ bằng 10.350.000đ và 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí 14.660.000 đ theo biên lai thu số 0005178 ngày 02/8/2022 của chi cục thi hành án dân sự B. Như vậy, chị H còn được nhận lại số tiền 4.010.000đ tại chi cục thi hành án dân sự B sau khi đối trừ khoản án phí chị phải nộp.

Đối với anh Lê Quốc Đ phải chịu án phí trên số tiền 79.000.000đ số tiền phải trả cho bà P bằng: 3.950.000đ. Bà Lê Thị L và ông Lê Huy T phải chịu án phí trên số tiền ông bà phải trả lại cho chị H là 72.000.000đ bằng: 3.600.000đ.

Căn cứ vào những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng**: khoản 1 điều 28 và khoản 4 điều 147 Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điều 51,56 81;82;83;84; điều 38; điều 59; 61 Luật Hôn nhân gia đình. Điều 212 và 213 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điểm a, b,c khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Điểm b Mục 1.3 phần danh mục về mức án phí ban hành theo nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị H. Chị Lê Thị H được ly hôn anh Lê Quốc Đ.

Về phần con cái : Giao cháu Lê Ngọc H (nữ) sinh ngày 03/ 6 /2012 cho chị Lê Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và giao cháu Lê Huy P (nam) sinh ngày 18/5/2014 cho anh Lê Quốc Đ được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên . Không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Các đương sự được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, bên trực tiếp nuôi không được ngăn cản .

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết các đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con chung và việc đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản: Giao cho bà Lê Thị L và ông Lê Huy T diện tích đất 312m^2 trên đất có 01 căn nhà cấp 4 mua của chị Nguyễn Thị Thu N tại địa chỉ khu phố 9, phường B , thị xã B, tỉnh T có các vị trí địa lý:

Phía Đông giáp nhà bà D kích thước: 27 m.

Phía Tây giáp: đất vườn anh T kích thước: 27,5 m

Phía Nam giáp: nhà bà K kích thước:14,5m

Phía Bắc giáp: đường kích thước: 8,8m

Trị giá: cả nhà và đất là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng)

-Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về phần tài sản của chị Lê Thị H về đề nghị chia căn nhà và đất tại tổ 6, khu phố 9, phường B, thị xã B, tỉnh T của chị Lê Thị H buộc bà Lê Thị L và ông Lê Huy T phải thanh toán lại cho chị Lê Thị H số tiền công sức đóng góp mua căn nhà là 72.000.000đ (bảy mươi hai triệu đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, chị Lê Thị H có đơn đề nghị thi hành án nếu bà L và ông T không chịu thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho chị H số tiền trên thì hàng tháng bà L, ông T còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm trả tương đương với số tiền chậm trả của khoản tiền còn phải thi hành án. Mức lãi suất bằng ½ mức lãi suất quy định tại khoản 1 điều 468 của BLDS.

-Đình chỉ yêu cầu giải quyết chia tài sản chung của chị Lê Thị H đối với một số tài sản 02 xe máy,01 ô tô và tài khoản chứng khoán mang tên anh Lê Quốc Đ.

Về phần nợ: Công nhận sự thỏa thuận trả nợ giữa chị Lê Thị H và anh Lê Quốc Đ đối với số nợ của bà Lê Thị P như sau:

Chị Lê Thị H phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Lê Thị P số tiền 79.000.000đ; anh Lê Quốc Đạt phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Lê Thị Phương số tiền 79.000.000đ.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, bà Lê Thị P có đơn đề nghị thi hành án, nếu chị H và anh Đ không thanh toán (trả) cho bà Lê Thị P số tiền nói trên thì hàng tháng anh Đ và chị H còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm trả tương đương với thời gian chậm trả của khoản tiền còn phải thi hành án. Mức lãi suất bằng ½ mức lãi suất quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS.

Về án phí: án phí ly hôn sơ thẩm chị Lê Thị H phải nộp 300.000đ và án phí chia tài sản và án phí về việc trả nợ chị Lê Thị H phải nộp: 10.350.000đ. Tổng là: 10.650.000đ, được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí 14.660.000 đ theo biên lai thu số 0005178 ngày 02/8/2022 của chi cục thi hành án dân sự B. Như vậy, chị H còn được nhận lại số tiền 4.010.000đ tại chi cục thi hành án dân sự B sau khi đối trừ khoản án phí chị phải nộp.

-án phí chia tài sản và án phí về việc trả nợ cho bà Lê Thị P anh Lê Quốc Đ phải nộp: 3.950.000đ. Án phí chia tài sản: bà Lê Thị L và ông Lê Huy T phải nộp: 3.600.000đ.

Trả lại cho bà Lê Thị P số tiền bà đã nộp tạm ứng án phí là:3.950.000đ theo biên lai thu số: AA/2021/0005185 ngày 08 tháng 8 năm 2022 của chi cục thi hành án dân sự B , tỉnh T.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự chị Lê Thị H, anh Lê Quốc Đ bà Lê Thị L, bà Lê Thị P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/01/2023)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TẠ THỊ HƯƠNG

Nơi nhận:
- Các Đương sự
- VKSND TX Bỉm sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
-UBND P Lam Sơn
- THADS thị xã Bỉm sơn
-Lưu Tòa án.